TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ R** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 05-5-2023.
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Đoàn Văn Thậm.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. **Bà Lê Thị Út Tím.**
2. **Bà Nguyễn Thị Kim Phượng.**

- Thư ký phiên tòa: **Bà Lê Thị Tú** – Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố R.

Trong ngày 05 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố R, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 269/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2023/QĐXX-ST ngày 30 tháng 3 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Đ, sinh năm 1987. (có mặt)
Địa chỉ: Ấp G, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Bùi Quốc V, sinh năm 1984. (vắng mặt)
Địa chỉ: Số 65/7/4 T, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa nguyên đơn – chị Lê Thị Đ trình bày:** Chị Lê Thị Đ và anh Bùi Quốc V tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 03/7/2012. Cuộc sống hôn nhân phát sinh nhiều mâu thuẫn, mức độ căng thẳng ngày càng trầm trọng, vợ chồng cự cải thường xuyên. Chúng tôi cũng nhiều lần hàn gắn nhưng không đạt kết quả và cũng đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên nay tôi yêu cầu ly hôn.

Nguyên nhân ly hôn: Chị Lê Thị Đ cho rằng quá trình chung sống tính tình vợ chồng không thể hòa hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm và lối sống. Ngoài ra, không còn nguyên nhân nào khác.

- Về con chung: Chị Lê Thị Đ xác nhận có 01 con chung tên Bùi Thị T, sinh ngày 19/02/2013. Chị Lê Thị Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và xác định đủ điều kiện tự nuôi con nên không yêu cầu chồng cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị Đ xác nhận không có tài sản chung, và cam kết hiện nay cũng không có nợ chung không yêu cầu tòa án giải quyết.

*** Bị đơn – anh Bùi Quốc V:** Vắng mặt.

*** Tại phiên tòa**:

- Nguyên đơn – chị Lê Thị Đ xác định giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn đối với anh Bùi Quốc V. Yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xác nhận tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng

Chị Lê Thị Đ khởi kiện xin ly hôn anh Bùi Quốc V có nơi đăng ký thường trú tại địa chỉ số 65/7/4 Trần Phú, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố R theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn – anh Bùi Quốc V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ xét xử nhưng vẫn vắng mặt, cũng không có căn cứ cho việc vắng mặt của anh Việt là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân

Chị Lê Thị Đ và anh Bùi Quốc V tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được UBND phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 03/7/2012 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Chị Đ khởi kiện cho rằng quá trình chung sống giữa vợ chồng do tính tình không hợp, không cùng quan điểm, chồng không quan tâm cuộc sống gia đình và vợ con dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng cũng đã ly thân từ năm 2016 đến nay.

Bị đơn – anh Bùi Quốc V đã được Tòa án tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng vẫn cố tình vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu xin ly hôn cũng như chứng cứ do chị Đ cung cấp. Xét thấy thuẫn vợ chồng giữa chị Đ và anh V đã được Tòa án hòa giải đoàn tụ nhưng anh V vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Tại Tòa, chị Đ xác định giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Đ và anh V đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, sau khi nghị án Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Đ.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị Đ xác nhận có một con chung tên Bùi Thị T, sinh ngày 19/02/2013.

Xét thấy, chị Đ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung ổn định từ khi ly thân đến nay. Đồng thời, con chung cũng có nguyện vọng muốn được sống cùng với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, bảo đảm việc học hành và các điều kiện cho sự phát triển tốt về tinh thần và bảo vệ quyền lợi cho trẻ em, nên căn cứ vào quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung của chị Lê Thị Đ.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Lê Thị Đ.

4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị Đ xác nhận không có tài sản chung và cam kết hiện nay không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Bùi Quốc V cũng không có ý kiến gì về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ kiện này. Nếu các bên có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 và Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 và Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Đ được ly hôn với anh Bùi Quốc V.

2. Về con chung: Giao con chung tên Bùi Thị T, sinh ngày 19/02/2013 cho chị Lê Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, phù hợp nguyện vọng con chung.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lê Thị Đ về việc không yêu cầu anh Bùi Quốc V cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị Đ xác nhận không có tài sản chung, và cam kết hiện nay không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nếu sau này anh Bùi Quốc V có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Đ phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0000114 ngày 12/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố R.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 05/5/2023), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tp.R;
- Chi cục THA dân sự tp.R;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Văn Thậm